

Bản án số: 591/2019/HC-PT

Ngày 27 tháng 8 năm 2019

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Sáng

Ông Lê Thành Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 728/2018/TLPT-HC ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 814/2018/HC-ST ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1807/2019/QĐPT- DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện: Bà Huỳnh Thu H**, sinh năm: 1942

Địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Thu H: Bà Hoàng Kim Th - Luật sư tại Công ty Luật TNHH MTV Q - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: đường V, phường Th, quận Th1, thành phố Hà Nội (có mặt).

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Đường L, khu phố G, thị trấn C1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Tiến Tr - Phó Chủ tịch Ủy ban

nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền số 3238/GUQ-UBND ngày 11/8/2017), vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Ng — Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Đường L, khu phố G, thị trấn C1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Tiến Tr — Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền số 645/GUQ-UBND ngày 06/3/2018), vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Ng - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Do có kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:**

Ngày 17/02/2017, bà Huỳnh Thu H nhận được Thông báo số 444/TB-UBND ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thông báo thu hồi “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3196/QSDĐ/TC ngày 09/9/2004” của bà H với lý do: “*hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Huỳnh Thu H không đảm bảo về trình tự, thủ tục, cụ thể: Không có biên bản họp hội đồng đăng ký đất đai xã, chưa được Hội đồng đăng ký đất đai xã L1 thông qua và không thực hiện việc công khai kết quả xét cấp quyền sử dụng đất*”.

Không đồng ý với Thông báo số 444/TB-UBND ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C. Bà H khiếu nại thông báo này. Ngày 15/5/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 434/QĐ- UBND giải quyết khiếu nại của bà H với nội dung giữ nguyên Thông báo số 444/TB-UBND ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Việc Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành các văn bản trên là hoàn toàn không đúng pháp luật, bởi vì:

Về nguồn gốc đất: Do bà Trần Thị Ng (mẹ bà H) khai hoang và sử dụng trước năm 1975, bà Trần Thị Ng vì phải vắng mặt tại địa phương một thời gian nên có làm tờ di chúc ngày 15/5/1991, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C với nội dung: “*Giao cho 03 cháu là Đoàn Văn T, Trần Văn Th, Trần Văn H mỗi cháu 13 sào để canh tác và hàng năm nộp vào chùa phật xã L1 90.000 đồng*”.

để cúng giỗ cha mẹ của bà Trần Thị Ng".

Khi bà Trần Thị Ng trở về quê tại xã L1, ngày 15/12/1994 các ông Đoàn Văn T, Trần Văn Th, Trần Văn H có lập giấy hoàn trả đất cho bà Trần Thị Ng 03 khoản đất, mỗi khoản là 13 sào, tổng cộng 39 sào và cam kết nhất trí để bà Ng tiện sử dụng và hợp lệ khi đăng ký Quyền sử dụng đất với chính quyền địa phương. Năm 2002 bà Huỳnh Thu H là con gái bà Ng (lúc này bà Ng đã chết) có làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một lần nữa ông Đoàn Văn T, ông Trần Văn Th và ông Trần Tấn T1 là con ông Trần Tấn H lập giấy hoàn trả đất ngày 16/8/2004 cho bà Huỳnh Thu H (con gái bà Ng) là người thừa hưởng của bà Ng. Về phần hoa màu sẽ tùy nghi và thỏa thuận nhất trí giữa bà H và các ông Đoàn Văn T, Trần Văn Th và Trần Tấn T1.

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H có biên bản họp Hội đồng đăng ký đất đai xã L1, được Hội đồng đăng ký đất đai xã L1 thông qua, thực hiện việc công khai kết quả xét cấp, cụ thể như sau:

Ngày 11/11/2002 bà H nộp đơn đăng ký Quyền sử dụng đất mang tên Huỳnh Thu H đối với 05 thửa đất, tờ bản đồ số 7, tổng diện tích là 2.474,5 m² tại ấp L, xã L1. Diện tích đất bà H kê khai đăng ký Quyền sử dụng đất theo đúng quy định tại điểm a mục 2 Chương 2 Thông tư 1990/2001/TT-TCĐC: *“Người sử dụng đất có trách nhiệm kê khai toàn bộ diện tích đất đã sử dụng; kể cả diện tích đất cho người khác thuê, mượn, sử dụng (Đoàn Văn T, Trần Văn Th, Trần Văn H và Trần Tấn T1)... ”*. Sau khi thẩm tra, xác minh, Ủy ban nhân dân xã L1 đã xác nhận vào đơn với nội dung đúng với trình tự, thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 phần 1 Chương 3 Thông tư 1990/2001/TT-TCĐC cụ thể như sau:

- Về hiện trạng sử dụng đất: Đất vườn có trồng xoài;
- Về nguồn gốc sử dụng đất: Ông bà để lại từ trước năm 1975;
- Về tình trạng tranh chấp, khiếu nại về đất đai: Không có;
- Về quy hoạch sử dụng đất: Phù hợp

Ngày 29/8/2003, diện tích đất xin hợp thức hóa của bà H được Phòng quản lý đô thị huyện C tổ chức đo đạc xác định ranh giới, diện tích, vị trí khu đất xin hợp thức hóa quyền sử dụng đất đã được Hội đồng đăng ký đất đai xã L1 thông qua ngày 24/6/2003.

Ngày 12/02/2004, Ủy ban nhân dân xã L1 lập tờ trình (theo mẫu số 19/ ĐK) gửi Ủy ban nhân dân huyện C về việc thẩm tra hồ sơ đăng ký biến động đất đai có nội dung:

- Hình thức biến động: Hồ sơ đủ theo quy định
- Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp
- Hiện trạng sử dụng: Đất vườn, có nhà
- Nguồn gốc sử dụng: Ông bà khai phá để lại sử dụng từ năm 1975. Đã được Hội đồng đăng ký đất đai xã L1 thông qua ngày 24/6/2003.
- Ý kiến và kiến nghị: *“Đề nghị ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng*

nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Thu H diện tích 2474,5 m² thuộc thửa 100-3; 110-4; 110-5; 110-6; 111-2 tờ số 7 xã L1”.

Ngày 11/7/2004, diện tích đất xin hợp thức hóa của bà H được Phòng Quản lý đô thị trích lục bản đồ: trích lục ngày 11/7/2004; chỉnh lý ngày 11/7/2004; kiểm tra ngày 15/7/2004; chứng thực ngày 04/8/2004 đối với chủ sử dụng đất bà Huỳnh Thu H đối với thửa đất 100-3; 110-4; 110-5; 110-6; 111-2 tờ số 7 xã L1; Loại đất: vườn, thổ, gò, nghĩa địa.

Theo tờ trình số 3677/TT/UB của Phòng quản lý đô thị huyện C ngày 04/8/2004 gửi Ủy ban nhân dân huyện C có nội dung:

- Hình thức biến động: Hợp thức hóa Quyền sử dụng đất
- Nội dung và kết quả thẩm tra: Hồ sơ đã lập đầy đủ, có đính kèm, sử dụng đất hợp lý
- Ranh giới ổn định không tranh chấp
- Ý kiến kết luận và kiến nghị: Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Thu H 2474,5 m² thuộc thửa 100-3; 110-4; 110-5; 110-6; 111-2 tờ số 7 xã L1.

Sau 06 ngày ban hành tờ trình số 3677/TT/UB ngày 04/8/2004, Phòng Quản lý đô thị thấy chưa yên tâm về việc diện tích đất bà Huỳnh Thu H xin hợp thức hóa đã được bà Trần Thị Ng (mẹ bà H) có di chúc cho 03 cháu và có người đang sở hữu căn nhà trên đất của bà Ng. Vì thế ngày 10/8/2004 Phòng Quản lý đô thị huyện C có Công văn số 288/UB-QLĐT gửi Ủy ban nhân dân xã L1 với nội dung Phòng Quản lý đô thị có nhận hồ sơ xin hợp thức hóa quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thu H. Để có cơ sở trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét giải quyết, Phòng Quản lý đô thị đề nghị Ủy ban nhân dân xã L1 cung cấp một số nội dung sau:

“Phần đất bà H xin hợp thức hóa theo tờ di chúc ngày 15/5/1991 bà Ng để lại cho 03 người cháu là các ông Đoàn Văn T, Trần Văn Th, Trần Văn H; Nay Ủy ban nhân dân xã L1 lại đề nghị cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thu H. Việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà H có xảy ra tranh chấp với 03 hộ trên không? Hiện nay ai là chủ sở hữu căn nhà trên phần đất bà Huỳnh Thu H xin hợp thức hóa Quyền sử dụng đất”

Theo Công văn số 288/UB-QLĐT ngày 10/8/2004 của Phòng Quản lý đô thị huyện C gửi Ủy ban nhân dân xã L1 rất cần trọng, phòng ngừa tranh chấp có thể xảy ra, nên hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của bà H được Ủy ban nhân dân xã L1 làm rất chặt chẽ so với yêu cầu. Ngoài việc tuân thủ quy định tại Mục 3 Phần I Chương 3 Thông tư 1990/2001/TT-TCĐC, phòng quản lý đô thị còn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã L1, bà H và người cháu trên ở trên phần đất của bà H là ông Trần Tấn T1 bổ sung cam kết. Vì vậy, ngày 17/8/2004 ông Trần Tấn T1 cũng lập tờ giấy cam kết có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã L1 với nội dung: *“Hiện tôi đang cất nhà ở trên miếng đất của bà Huỳnh Thu H. Nay tôi làm giấy cam kết này là không cản trở việc đăng ký quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thu H trên miếng đất của tôi đang ở”.*

Như vậy Thông báo số 444/TB-UBND ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C đưa ra lý do là hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Thu H “*chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định tại điểm c, d, đ Mục 3 Phần 1 Chương 3 Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính; Điều 7 quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giải quyết khiếu nại tranh chấp về đất đai*” (ban hành kèm theo Quyết định số 111/QĐ-UB ngày 08/3/1996 của Ủy ban nhân dân huyện C)” là hoàn toàn không đúng quy định pháp luật.

Việc áp dụng Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính nêu trên của Ủy ban nhân dân huyện C (lấy lý do thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H) là không đúng với toàn bộ quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H năm 2004.

Bà H xác định Thông báo số 444/TB-UBND ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 434/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là sai quy định pháp luật hiện hành. Do đó, bà Huỳnh Thu H yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy Thông báo số 444/TB-UBND ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định giải quyết khiếu nại số 434/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C.

*** Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C có ý kiến:**

Ngày 09/9/2004, Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3196 QSDĐ/TC cho hộ bà Huỳnh Thu H, trong đó có các thửa 110-3, 110-4, 110-5, 110-6, 111-2 tờ bản đồ số 7 (tỷ lệ 1/2000) xã L1, diện tích 2474,5m².

Ngày 22/12/2015 bà Huỳnh Thu H có chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 111-2, tờ bản đồ 7, xã L1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 1.019m² cho bà Trương Thị Q theo hợp đồng chuyển nhượng số 003282/HĐ -CN ngày 22/12/2015 tại văn phòng công chứng Đào Xuân T và bà Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 766385 ngày 14/4/2016.

Qua kết quả thẩm tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Huỳnh Thu H đã xác minh được:

- Về nguồn gốc và việc sử dụng đất:

+ Theo tài liệu chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ nhằm một phần thửa 477, tờ bản đồ số 34, loại đất hoang đồng bằng (Hg/đb), do ông Trần Tấn H đăng ký; Theo Tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB ngày 18/01/1992 của Ủy ban nhân dân Thành phố nhằm một phần thửa 110, tờ bản đồ số 7, loại đất vườn, Sổ mục kê thể hiện “hộ” đăng ký (không ghi rõ tên chủ sử dụng).

+ Nguồn gốc và việc sử dụng đất qua xác minh, đối chiếu: Nguồn gốc đất do bà Trần Thị Ng (mẹ bà Huỳnh Thu H) khai hoang trước năm 1975. Từ sau năm 1975, bà Ng giao lại cho ông Trần Tấn H (bố chồng bà Lại Thị Y) sử dụng (việc bà Ng giao đất cho ông H có thể hiện tại Tờ di chúc lập 15/5/1991). Ông H sử dụng đất trồng cây ăn trái và có đăng ký theo chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ. Đến năm 1994, ông H giao lại đất cho con là ông Trần Tấn T1

(ông Trần Tấn T1 là chồng bà Lại Thị Y) sử dụng vào mục đích cất nhà ở và trồng cây ăn trái đến nay. Năm 2004, hộ bà Huỳnh Thu H lập thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3196/QSĐĐ/TC ngày 09/9/2004.

- Trình tự, thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho bà H:

+ Thành phần hồ sơ gồm có: Đơn xin Đăng ký quyền sử dụng đất; Biên bản đo đạc; Trích lục bản đồ; Tờ trình của ủy ban nhân dân xã L1, Tờ trình của Phòng quản lý đô thị về đề nghị cấp giấy sử dụng đất... Hồ sơ không có biên bản họp Hội đồng đăng ký đất đai xã L1, chưa được Hội đồng đăng ký đất đai xã L1 thông qua và không thực hiện việc công khai kết quả xét cấp quyền sử dụng đất.

Tại điểm b, c Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định:

b) Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan thanh tra cùng cấp thẩm tra; nếu kết luận là Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật thì thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do; sau 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho người sử dụng đất mà không có đơn khiếu nại thì ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp;

c) Trường hợp người sử dụng đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai thì gửi kiến nghị, phát hiện đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có trách nhiệm xem xét, giải quyết theo quy định tại điểm b khoản này .

Như vậy, trường hợp của bà Huỳnh Thu H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật về đất đai như đã nêu trên và việc cấp sai này đã được cơ quan Thanh tra kết luận tại văn bản số 21/BC.TTH ngày 23/01/2017.

Từ các cơ sở trên, ngày 16/02/2017 Ủy ban nhân dân huyện ban hành Thông báo số 444/TB-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3196/QSĐĐ/TC ngày 09/9/2004 của bà Huỳnh Thu H với các thửa đất còn lại gồm thửa 110-3, 110-4, 110-5, 110-6, diện tích 1455,5 m² sau khi bà H đã tách thửa đất 111-2 chuyển nhượng cho bà Q. Không đồng ý với Thông báo này bà H gửi đơn khiếu nại.

Ngày 15/5/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 434/QĐ-UBND về giải quyết đơn khiếu nại của bà Huỳnh Thu H với nội dung không công nhận đơn khiếu nại của bà H.

Từ diễn biến nêu trên, việc Huỳnh Thu H yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy Thông báo số 444/TB-UBND ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc “*thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3196/QSĐĐ/TC ngày 09/9/2004*” và Quyết định số 434/QĐ-UBND của Chủ tịch

ủy ban nhân dân huyện C là không có cơ sở.

Bản án hành chính sơ thẩm số 814/2018/HC-ST ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, Khoản 1 Điều 30; Khoản 4 Điều 32; Điều 115; Điều 116; Điều 158; Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013

Căn cứ khoản 1 Điều 48, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thu H

Hủy Thông báo số 444/TB-UBND ngày 16/2/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3196/QSDĐ/TC ngày 09/9/2004” của bà Huỳnh Thu H.

Hủy Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về giải quyết đơn khiếu nại của bà Huỳnh Thu H, ngụ tại 1/18 ấp L, xã L1, huyện C.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân huyện C có đơn kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 814/2018/HC-ST ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, đồng thời công nhận Thông báo số 444/TB – UBND ngày 16/2/2017 của Ủy ban nhân dân huyện và Quyết định số 434/QĐ – UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định về tố tụng.

Về nội dung:

Chứng cứ tại hồ sơ thể hiện về nguồn gốc đất, xác định chủ sử dụng đất, hộ liên kề vì vậy cơ quan chuyên môn đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện duyệt cấp đất. Việc xác minh đất có tranh chấp hay không cũng đã được tiến hành chặt chẽ và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tuy trình tự có thiếu sót về việc niêm yết, nhưng việc xét cấp là đúng quy định của pháp luật. Chính vì vậy, việc thu hồi Giấy chứng nhận và giải quyết khiếu nại là không chính xác. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đồng tình với quyết định của bản án sơ thẩm cũng như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện: Bà H không đồng ý với Thông báo số 444/TB-UBND ngày 16/2/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh về thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3196/QSDĐ/TC ngày 09/9/2004 của bà Huỳnh Thu H và Quyết định giải quyết khiếu nại số 434/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, do đó căn cứ Điều 115 Luật Tố tụng hành chính bà H có quyền khởi kiện.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: bà Huỳnh Thu H có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 444/TB-UBND ngày 16/2/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C và yêu cầu hủy Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Do đó căn cứ Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, đây là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 26/4/2017 bà H nộp đơn khởi kiện, ngày 29/6/2017 bà H có yêu cầu khởi kiện bổ sung. Căn cứ Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.4] Về yêu cầu khởi kiện: bà H cho rằng Thông báo số 444/TB-UBND ngày 16/2/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định giải quyết khiếu nại số 434/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là không đúng pháp luật gây thiệt hại quyền lợi của bà H nên yêu cầu hủy các văn bản nêu trên.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ -CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai năm 2013, Căn cứ vào Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại 2011, xét về thẩm quyền và trình tự, thủ tục bàn hành Thông báo số 444/TB-UBND ngày 16/2/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C và trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan điểm tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C cho rằng: việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3196/QSDĐ/TC ngày 09/9/2004 cho bà Huỳnh Thu H vi phạm trình tự, thủ tục cấp quyền sử dụng đất, cụ thể:

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận đất nêu trên của bà H không có của Hội đồng

đăng ký đất đai xã xét duyệt.

Không có biên bản niêm yết công khai kết quả xét cấp quyền sử dụng đất.

Từ những lý do trên Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ vào khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013, khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai ban hành thông báo số 444/TB-UBND ngày 16/2/2017 thu hồi “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3196/QSĐĐ/TC ngày 09/9/2004 của bà Huỳnh Thu H.

[2.2] Đối với các căn cứ mà Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Thông báo về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trước đó cho bà Huỳnh Thu H, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Tại tờ trình việc thẩm tra hồ sơ đăng ký biến động đất đai của Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C với nội dung và kết quả thẩm tra như sau:

- Hồ sơ đủ theo quy định.
- Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.
- Hiện trạng sử dụng: Đất vườn, có nhà.
- Nguồn gốc sử dụng: Ông bà khai phá để lại sử dụng từ năm 1975. Đã được Hội đồng đăng ký đất đai xã L1 thông qua ngày 24/6/2003.
- Ý kiến và kiến nghị: “Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Thu H diện tích 2474,5 m² thuộc thửa 100-3; 110-4; 110-5; 110-6; 111-2 tờ số 7 xã L1”.

Tại biên bản họp Hội đồng đăng ký đất đai ngày 24/6/2003 với nội dung xét cấp quyền sử dụng đất cho các hộ dân trong đó có hộ bà Huỳnh Thu H thể hiện “mời xác minh lại thân tộc”.

Trên cơ sở biên bản họp Hội đồng đăng ký đất đai ngày 24/6/2003, để xem xét hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất của hộ bà Huỳnh Thu H, Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành văn bản 288/UB-QLDT ngày 10/8/2004 yêu cầu Ủy ban nhân dân xã xác minh lại thân tộc, xác minh ông Đoàn Văn T, ông Trần Văn H và ông Trần Văn Th có tranh chấp đất với bà Huỳnh Thu H không?, xác minh người ở trên đất có tranh chấp với bà H không?

Theo văn bản số 605/UBND ngày 18/6/2018 của Ủy ban nhân dân xã L1 đã thể hiện nội dung: Sau khi nhận văn bản 288 nêu trên thì Ủy ban xã L1 đã mời các bên liên quan gồm: ông Đoàn Văn T, ông Trần Tấn T1 là con ông Trần Văn H và ông Trần Văn Th, các ông nhất trí và cam kết hoàn trả 03 khoản đất cho bà Huỳnh Thu H là người được kế thừa của mẹ là Trần Thị Ng, cam kết này thể hiện qua nội dung của “Giấy hoàn trả đất” ngày 16/8/2004 được Ủy ban xã L1 xác nhận chữ ký các thành viên ngày 18/8/2004, và đồng thời ông Trần Tấn T1 là người ở trên đất cũng có giấy cam kết ngày 17/8/2004, đồng ý để bà H đăng ký làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban xã L1 xác nhận chữ ký ngày 18/8/2004, đề cung cấp cho Ủy ban nhân dân huyện C xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H.

Như vậy đã cho thấy, khi xét duyệt hồ sơ cấp giấy cho bà H, Ủy ban nhân dân xã L1 đã khắc phục và hoàn tất nội dung biên bản của Hội đồng đăng ký đất đai xã ngày 24/6/2003. Căn cứ đó, Ủy ban nhân dân huyện C mới nhận hồ sơ của bà H và xem xét việc cấp quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thu H theo quy định của pháp luật về đất đai. Việc Ủy ban nhân dân huyện C cho rằng không có biên bản của Hội đồng đăng ký đất đai xã xét duyệt là không phù hợp và không đúng với thực tế các thủ tục thể hiện trong hồ sơ duyệt cấp cho bà Huỳnh Thu H.

Trong khi đó, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013: “ 2. Nhà nước thu hồi giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau:

d) Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất, hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai”.

Như vậy trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H thiếu thủ tục là biên bản niêm yết công khai xét cấp quyền sử dụng đất không thuộc các trường hợp Ủy ban nhân dân thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu của người khởi kiện là có cơ sở, từ đó cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, hủy Thông báo số 444/TB-UBND ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C và hủy Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C như đề nghị của Viện kiểm sát cấp sơ thẩm là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Phía người bị kiện kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh, vì vậy không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy phía bị kiện phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013

Căn cứ khoản 1 Điều 48, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân huyện C. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 814/2018/HC-ST ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thu H

Hủy Thông báo số 444/TB-UBND ngày 16/2/2017 của Ủy ban nhân dân

huyện C về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3196/QSĐĐ/TC ngày 09/9/2004 của bà Huỳnh Thu H.

Hủy Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về giải quyết đơn khiếu nại của bà Huỳnh Thu H.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu 300.000 đồng và Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0049332 ngày 09/8/2018 và biên lai thu số 0049338 ngày 09/8/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thành án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Dương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Mười

Thuân